TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Giới thiệu tác phẩm Nôm Thập vịnh kệ

ISSN: 2734-9195 08:05 06/07/2026

Văn bản Thập vịnh kệ ở trong số mộc bản Trung tâm tư liệu Phật giáo số hóa tại chùa Đa Bảo, gồm 5 mặt ván khắc trên 3 ván (mặt thứ 6 thuộc về một tên sách khác).

Tác giả: **Phan Anh Dũng**

Trung tâm Tư liệu Phật giáo Việt Nam

Phân viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Hà Nội

Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 07/2026

Tóm tắt: Bài viết giới thiệu một tác phẩm chữ Nôm cổ, xuất hiện vào khoảng thế kỷ 17, phát hiện trong kho mộc bản lưu trữ ở **chùa Đa Bảo**.

Từ khóa: Mộc bản, Đa Bảo, Thập vịnh kệ, Tỉnh thế thi.

1. Giới thiệu văn bản:

Văn bản Thập vịnh kệ ở trong số mộc bản Trung tâm tư liệu Phật giáo số hóa tại chùa Đa Bảo, gồm 5 mặt ván khắc trên 3 ván (mặt thứ 6 thuộc về một tên sách khác). Hiện chúng tôi chưa tìm được bản in và cũng chưa có điều kiện in rập lại ván nên phải sử dụng ảnh chụp ván đã lật thuận để đọc chữ và khảo chú.



Chùa Đa Bảo (Phú Xuyên, Hà Nội) - Ảnh: Sưu tầm

Tên sách ở dải gập trang ghi là Thập vịnh kệ - 十詠偈 còn tên đầy đủ ghi ở tờ thủ là "La Tiên thập vịnh kệ-羅仙十詠偈", La Tiên tức La Hồng Tiên 羅洪先 (1504-1564), vị trạng nguyên người đời Minh có nhiều trước tác. Nội dung tác phẩm là 10 bài thơ trong tập Tỉnh thế thi- 醒世詩 của La Hồng Tiên, được diễn ý ra chữ Nôm chứ không phải là dịch sát. Cả phần chữ Hán lẫn chữ Nôm đều làm theo thể thơ 7 chữ luật Đường, cứ một dòng 2 câu chữ Hán lại tiếp theo một dòng 2 câu chữ Nôm đối dịch. Mỗi trang có 8 dòng là trọn một bài kệ có 8 câu chữ Hán và 8 câu Nôm, như vậy 5 tờ 10 trang sẽ có 10 bài kệ, tổng cộng có 80 câu Hán và 80 câu Nôm, mỗi câu 7 chữ vậy có 560 chữ Hán và 560 chữ Nôm, sở dĩ chúng tôi ghi kỹ vậy vì có liên quan việc thống kê từ cổ ở đoạn sau.

Nội dung các bài kệ cả chữ Hán lẫn Nôm đều mang ý ca vịnh cảnh tiêu dao tự tại của người tu hành đạt đạo, mang tinh thần **Tam giáo đồng nguyên**. Phần các bài thơ chữ Hán thì khá phổ thông vì nằm trong số các bài "Tỉnh thế thi – 醒世詩" của La Hồng Tiên, khá nổi tiếng, được lưu truyền nhiều cả ở Trung Quốc lẫn Việt Nam nên có nhiều dị bản, tra trên mạng có nơi chép 22 bài (Link 1) có nơi 25 bài, nhiều nhất là 28 bài (Link 2). Riêng bài số 10 tìm trên mạng không thấy, có thể là của một tác giả khác sáng tác, chính việc nó đặt ở cuối chứ không "lập lờ" xếp chen vào 9 bài đầu cũng cho thấy nguồn của nó có thể không phải từ La Hồng Tiên.

Văn từ của phần chữ Nôm khá hay, đúng niêm luật Đường thi, tuy Nôm na bình dân mà vẫn cao đạo chứ không hạ mình tầm thường hóa, như :

...Gian lều cỏ mặc thân ngang dọc

Hé cánh sài xem nước ngược xuôi...

...Bằng ai có hỏi chưng mùi đạo

Rạng nguyệt cao ngang đáy nước sâu...

2. Khảo về tác giả, niên đại và từ cổ ở bản Nôm

Về tác giả và niên đại bản diễn Nôm, ban đầu dựa vào việc trên ván có chữ thì 時 là chữ húy đời **vua Tự Đức** nhưng khắc đầy đủ không kỵ húy (bỏ nét giữa của bộ nhật), chúng tôi ước đoán tác phẩm phải có từ đời Thiệu Trị về trước. Sau khi khảo kỹ phần chữ Nôm có các từ cổ như cốc (biết), cong (trong) thì chúng tôi xác định tác phẩm Nôm này phải cổ hơn nhiều, lên đến tầm TK17, thời Hương Hải Thiền sư hay Chân Nguyên Tuệ Đăng.

Về cách viết chữ Nôm thì do ván được khắc lại **thời Nguyễn** nên có các kiểu viết chữ Nôm muộn, nhưng vẫn có các trường hợp viết theo kiểu cổ như một viết là 蔑 thay vì 沒, buồn viết 盆 thay vì ????. Mà thực ra mức độ cổ của bản Nôm ít phụ thuộc vào cách viết mà phụ thuộc vào số lượng từ cổ và cách nói cổ xuất hiện trong tác phẩm, sau đây là một số cứ liệu thống kê.

-. Liệt kê các từ đơn cổ: Nhởn (chơi) ; nghỉ (ông ấy); chưng (ấy, vậy); đành (hanh, khô); lầm (thay vì dầm); hòa (mà, và); bả (trả); châu/chu (chưa rõ ý); chỉn (chỉ, thực là); cốc (biết); pho (ngủ pho pho); cong (trong); trẩy (đi đến); lòng (ròng, rong); mé (phía, nơi, chốn, nghĩa rộng hơn ngày nay)

-. Liệt kê các từ kép (có thể từng chữ thì không cổ nhưng cách dùng thì cổ): Quơ mình (theo mình); nhàn mầu; ai dầu; đôn xao; khăng thìn; nhàn nay; cả dám; cánh sài; hằng lề; nhàn nghe; ban rối (lũ rối); tót đon; lọ là; trưng tráo; giấc gây; câu mầu.

-. Một số từ cổ lạ, chưa rõ ý lắm: náu khiên; lương chi; sóc tiết; ủy sao nhiêu.

Vài số liệu so sánh:

-. Từ cốc (biết): gặp 1 lần trong số 80 câu, so với bản Hồng mông hạnh chỉ gặp 1 lần trong 410 câu, còn Đạt Na thái tử hạnh là 4 trên 934 câu tức 1 trên 237, đây là hai tác phẩm được GS Lê Mạnh Thát nhận định là tác phẩm của Chân Nguyên Tuệ Đăng.

-. Từ cong (trong) gặp 2 lần trên 80 câu tỉ lệ 1/40, trong khi Hồng mông hạnh không có, còn Đạt Na thái tử hạnh là 3 trên 934 tức 1/311.

-. Như vậy nếu cứ nhận định một cách “thuần túy toán học” thì bản Nôm Thập vịnh kệ có tỉ lệ từ cổ cao hơn nên phải có trước thời Chân Nguyên Tuệ Đăng (1647-1726), có thể là ngang thời Minh Châu Hương Hải (1628-1715) hay thậm chí sớm hơn nữa. Ngoài ra còn có các chứng cứ khác như cách ghi từ “trả” bằng chữ bả 把 không thấy có ở 2 bản của Chân Nguyên, hay tỉ lệ từ lạ nghĩa khá cao, như từ đành (=hanh, khô) khá lạ người viết chưa từng gặp ở bản Nôm nào.

3- Giới thiệu nguyên văn tác phẩm Nôm Thập vịnh kệ 1- Do phạm vi bài viết tập trung giới thiệu tác phẩm Nôm nên không phiên âm và dịch nguyên tác chữ Hán.

2- Nguyên tác chữ Hán vốn có nhiều dị bản, để tiện so sánh xin ghi các dị bản so với mộc bản chùa Đa Bảo ở ngay cuối dòng sau dấu gạch chéo/ chứ không ghi cuối trang kiểu footnote.

3- Các từ cổ ở bản phiên Nôm được in nghiêng.

其一– Kỳ nhất 富貴從

來未許求□ 幾人騎鶴

上楊/州□ /楊 與其十

事九如意/□ /夢 不若

三平兩滿休□ 能自得

時還自樂□ 到無心/處

便無憂□ /求 而今勘/

破循環理□ /看笑倚欄

杆暗點頭□

Diễn Nôm:

驗吏????????意事???? 埃曾

騎鶴眼楊臺

????咻????特□ ????意

????院????耒意適????

別意特????哄戒擬

陀????逸樂苦屍埃

退退苞????機沫湊

閒????勾蘭隙隙嗸

Nghiệm lại giàu sang ấy sự đời

Ai từng cưỡi hạc nhởn Dương đài

Mười lăm (1) chín được nào lòng ấy

Ba vẹn hai rồi ấy thích vui

Biết ý được mừng cười giới nghỉ (2)

Đà vui dật lạc khổ thây ai

Thôi thôi đã trải cơ lội vũng

Nhàn tựa câu lan khích khích cười

其二: Kỳ nhị 戈盾隨身

已有年□ 間非閑是樂

千千□ 一家飽煖千家

怨□ 半世功名百世愆/

□ /冤 象簡金魚渾已矣

□ 芒鞋竹杖興悠然□

有人問我修行事□

雲在青山月在天□

Diễn Nôm:

俸盾戈命????庄????

之欣瀟洒趣閑牟 姅????

????蔭閍????陣 蔑几????腰

汆几愁 帶玉劍鐀油適興

????荻□ 竹默埃油

平埃固????蒸味道

朗月高卬底渃漊

Bổng thuẫn quơ (3) mình nghĩ chẳng lâu

Chi hơn tiêu sái thú nhàn mầu

Nửa đời no ấm muôn đời giận

Một kẻ sang yêu mấy kẻ sầu

Đai ngọc kiếm vàng dầu thích hứng

Giày gai gậy trúc mặc ai dầu

Bằng ai có hỏi chưng mùi đạo

Rạng nguyệt cao ngang đáy nước sâu

其三: Kỳ tam 新命傳

宣墨未幹□ 櫛風沐雨

上長安□ 低頭懶進三

公府□ 洗足羞/登萬善

壇□ /著 聞/戒固多持

戒少□ /受

承恩容易報恩難□ 何

如及早回頭看□ 松栢

青山/耐歲寒□ /青

Diễn Nôm:

????詔傳????墨渚停

淋湄????□ 典京城

□ 頭????????□ 殿玉

????????真凝踏????卿

????律????????????律????

????恩和易把恩難

羨 急騃吟松栢

雖????霜破槊節撐

Vâng chiếu truyền ra mực chửa đành (4)

Lầm mưa (5) trải gió đến kinh thành

Cúi đầu mặt biếng trông đền ngọc

Rửa gót chân ngưng đạp cửa khanh

Nghe luật riêng nhiều vâng luật ít

Chịu ân hòa dễ bả (6) ân nan

Dường nào kíp hãy (7) ngâm tùng bách

Tuy trải sương pha sóc tiết (8) xanh

其四– Kỳ tứ

要無煩惱要無愁

本分隨緣莫強求

無益語/言休著口 /諾

不干己事莫當頭 /非

人間富貴花間露

世上功名水上漚

勘破世情天理處

人生何事苦營謀 /用

Diễn Nôm:

係庄敦敲乙庄盆

隨緣????????匏????????

辱幷□ 益淍顛泊

憂愛康辰道瑟????

????世参□ 笆淳????

賢埃唉吟籺霜????

〒之庫困塘名利

匏断時催意意坤

Hễ chẳng đôn xao ắt chẳng buồn

Tùy duyên hai chữ đã trời tròn

Náu khiên (9) nào ích châu (10) đen bạc

Ưu ái khăng thìn đạo sắt son

Sang thế chỉn xem chòm bọt lớn

Hèn ai hãy ngậm hạt sương con

Làm chi khó khốn đường danh lợi

Đã đoạn thời thôi ấy mấy khôn

其五: Kỳ ngũ

貪利圖名滿世間□ /逐

不如破衲道人閒□

籠雞有食湯鍋近□

野鶴無糧天地寬□

富貴百年難保守□

輪回六道易循環□

勸君早辦修行事□

一失人身再復/難□ /萬劫

Diễn Nôm:

裊利唐名世缶苔

箕埃襖衲道閑□

????篭禿底????坲諾

鶴在粮之空几抔

????塔????????羨陣□

論都????我似盤□

奇敢勸埃尋塘便

埋蔑身箕和易咍

Nẻo lợi đường danh thế đã đầy

Kìa ai áo nạp đạo nhàn nay

Gà lồng thóc để gần nồi nước

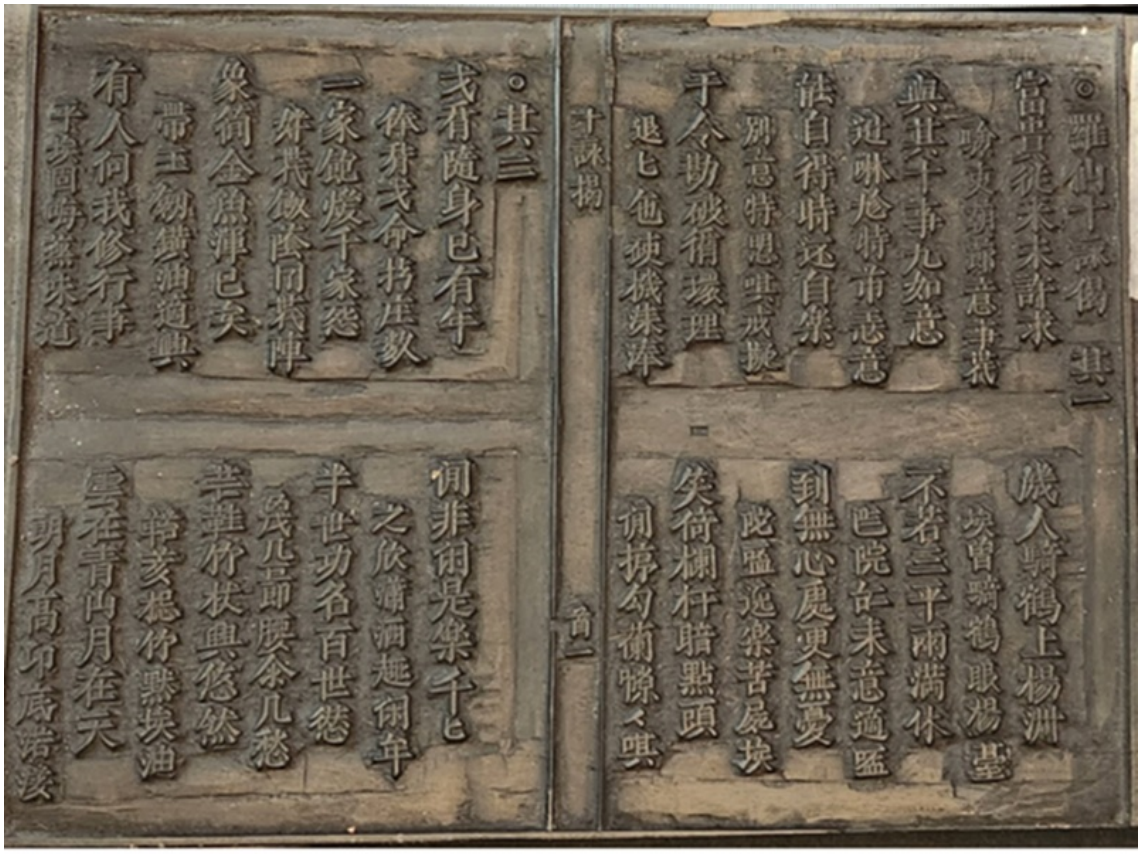
Hạc tại lương chi (11) không kẻ vầy

Đền tháp trăm năm dường trận gió

Luận đua sáu ngả tựa bàn tay

Cả dám khuyên ai tìm đường tiện

Mai một thân kia họa dễ thay.





Ảnh minh họa chụp ván tờ thủ và tờ số 5

其六: Kỳ lục

塵世紛紛一筆勾□

林泉浚處任優/遊□ /樂道任遨

蓋斯茅屋牽蘿補□ /間

開個柴門對水流□

覺得/閑眠真可樂□ /得隱

喫些淡飯自忘憂□

眼前多少英雄輩□

管甚來由不轉頭□ /為

Diễn Nôm:

事世排排筆蔑????

特安盤石趣盃制

間????????默身昂育

戲更柴占渃虐吹

谷特性閑捕戢卒

恒例?????????????????

初□ 掣計才卿相

於吏工代特汆????

Sự thế bời bời bút một ngòi

Được an bàn thạch thú vui chơi

Gian lều cỏ mặc thân ngang dọc

Hé cánh sài xem nước ngược xuôi

Cốc đắc tính nhàn pho giấc tốt

Hằng lề cơm lạt lấy làm vui

Xưa nay xiết kể tài khanh tướng

Ở lại cong (12) đời được mấy mươi

其七: Kỳ thất

獨對青山一舉場/□ /觴

醒來歌舞醉來狂□

黃金不是千年業□

紅日難消/兩鬢霜□ /能催

身後碑名空自好□

眼前傀儡為誰恇□

得些好/意隨時過□ /生

光影無多易散場□

Diễn Nôm:

孱????閑????打戢????

欺醝腥吏別浪醝

庫鐇□ 實貞命帝

暈????坤散????泊□

油固鑿碑空拱丕

唉□ 盘儡實台為

別????匏????時箄料

盃????塵間拱拯台

Sườn núi nhàn nghe đánh giấc gây

Khi say tỉnh lại biết rằng say

Kho vàng nào thực riêng mình đấy

Vầng ác khôn tan tóc bạc nay

Dầu có tạc bia không cũng vậy

Hãy xem ban rối (13) thực hay vay

Biết lòng đã trải thì toan liệu

Vui mé trần gian cũng chẳng hay

其八: Kỳ bát

得失榮枯總在/天□ /任

機關/用盡也/徒然□ /謀/枉

人心不足蛇吞象□

世事到頭螂捕蟬□

無藥可醫卿相壽□ /延

有錢難買子孫賢□

得過一日過一日□

一日清閑一日仙□

Diễn Nôm:

枚磊????庄本於????

踔噉竭力????咍????

螐箕乙沛□ 蜅馭

????怒啉箄????吶猲

????買????兜和????買

計????埃半????鐄????

隊????□ 固枚拱固

裊庄塵埃庄累埃

May rủi nên chăng vốn ở trời

Tót đon (14) kiệt lực luống thay người

Ve kia ắt phải tay bọ ngựa

Rắn nọ lăm toan miệng nuốt voi

Sống mãi thuốc đâu hòa lấy mãi

Kể mười ai bán nén vàng mười

Đòi ngày nay có mai cùng có

Nếu chẳng trần ai chẳng lụy ai

其九: Kỳ cửu

為人不必苦張羅□

聽得僧家說也磨□ /仙

知事少時煩惱少□

識人多處是非多□

錦衣玉食風中燭□

像簡金魚水上波□

富貴欲求求不得□

縱然求得也如何□ /待

Diễn Nôm:

路羅徵教路????條

????特勾牟意買腰

裊????坤頑盆把????

強????尼別啃吱????

????????慶似畑籠[洗]

重望□ 如淸????嘹

????乙悶????????特帝

拎平特帝委????饒

Lọ là trưng tráo (15) nọ nhiều điều

Ngẫm được câu mầu ấy mới yêu

Nếu ít khôn ngoan buồn bã ít

Càng nhiều nơi biết tiếng chê nhiều

Giàu sang khánh tựa đèn lồng trẩy (16)

Trọng vọng xem như sóng bể reo

Lẻ ắt muốn giàu giàu được đấy

Cầm bằng được đấy, ủy sao nhiêu其十: Kỳ thập.

(Tra nguyên tác của La Hồng Tiên không có, có lẽ là bài họa của vị khác).

龜因靈殼兔因毫□

鶴為紅頭翠為毛□

花有色嬌遭蝶戀□

鳥因聲好被籠牢□

人能出眾多招禍□

馬壯長途反受勞□

會事不如摧不會□

平生安樂最為高□

Diễn Nôm:

????誇????殼兔誇????

[打+鳥]????撐黃鶴赭????

花固縈貪媒丐????

????台啃嗯墨杆籠

????箄欣眾強添恄

馭猛哈????吏????????

時別拯時時拯別

工????逸樂意從容

Rùa khoe thiêng xác thỏ khoe lông

[Trả] cánh xanh vàng hạc đỏ lông

Hoa có nhị thơm mua cái bướm

Chim hay tiếng hót mắc then lồng

Người toan hơn chúng càng thêm ghét

Ngựa mạnh hay đi lại ruổi ròng (17) (rong)

Thà biết chẳng thà thà chẳng biết

Cong đời dật lạc ấy thong dong

畢 tất (hết).

Tác giả: **Phan Anh Dũng -** *Trung tâm Tư liệu Phật giáo Việt Nam*

Phân viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Hà Nội

Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 07/2026

***

Chú thích:

(1) Lăm ở đây không phải "năm", đối với vẹn ở câu dưới nên hiểu theo nghĩa là "lăm le", "muốn".

(2) Nghỉ là đại từ nhân xưng ngôi 3 (người ấy), đối với "ai" ở câu sau cũng chỉ người, "được mừng cười giới nghỉ" nghĩa là được

cười vui với giới của ông ấy.

(3) Chữ qua 戈 đọc âm quơ diễn ý chữ Hán "tùy thân 隨身" (quơ quanh mình), nếu đọc "qua" là vượt qua thì trái với nghĩa "tùy"

là "theo".

(4) Đành: là từ cổ nghĩa là hanh khô, tiếng Việt có từ "đành hanh".

(5) Lầm mưa là kiểu nói cổ, thời nay hay nói dầm mưa.

(6) Bả: trả, do cổ âm b-lả.

(7) Chữ Nôm hãy viết kiểu lạ 駮 .

(8) Sóc tiết hay sáo tiết, là từ cổ chưa rõ nghĩa lắm, nếu là dịch ý tuế hàn (tiết lạnh) thì nên dùng chữ sóc 朔.

(9) Náu khiên 辱幵 hay náu nghiên cần khảo thêm ý nghĩa. Phần Hán văn trên mộc bản là ngữ ngôn 語言, nhưng tra nguyên tác

của La Hồng Tiên trên internet còn có dị bản khác là nặc ngôn 諾言, như vậy có thể náu diễn ý nặc (dấu) còn khiên幵là đọc trại âm

*nghiên, là âm trung cổ của chữ ngôn 言, theo nhà ngôn ngữ học Vương Lực là * ŋian.*

(10) Châu hay chu 凋: từ cổ chưa rõ ý.

(11) Lương chi 粮之 đối chiếu thì là dịch chữ hán vô lương 無糧 (không có lương thực).

(12) Cong: một dạng cổ âm của trong (k-long).

(13) Ban rối hay bàn rối là lũ rối, dịch chữ Hán khối lỗi.

(14) Tót đon: là từ cổ dịch chữ Hán cơ mưu. Có thể hiểu là loay hoay mưu toan gì đó.

(15) Trưng tráo: dịch chữ trương la (張羅-giăng lưới). Chú ý tráo ghi bằng chữ giáo 教, có thể đọc ra sáo, là một thứ lưới tre.

(16) Đèn lồng trẩy tức đèn cù xoay tròn. Ý nói được rồi lại mất, xoay vòng mãi.

(17) Ruổi rong: rong ghi bằng chữ Nôm "lòng", nên nghi vấn cổ âm vốn là "ruổi ròng".

Tài liệu tham khảo:

1.. Tư liệu mộc bản chùa Đa Bảo của Trung tâm tư liệu Phật giáo Việt Nam.

2.. 王 力 - 古 漢 語 字典,Vương Lực "Cổ Hán ngữ tự điển".

3.. Giáo trình Lịch sử ngữ âm tiếng Việt. Nguyễn Tài Cẩn, NXB Giáo Dục, Hà Nội. 1995

4.. Từ điển từ cổ . Vương Lực (NXB Đà Nẵng, 2001).

5.. Toàn tập Chân Nguyên Tuệ Đăng. Lê Mạnh Thát. NXB Hồng Đức, 2018.

6.. https://tapchinghiencuuphathoc.vn/gioi-thieu-ban-dat-na-thai-tu-hanh-trong-bo-moc-ban-chua-hoe-nhai.html

7.. https://tapchinghiencuuphathoc.vn/ve-bo-moc-ban-hong-mong-hanh-o-chua-hoe-nhai.html

8.. Link 1 : https://rsd.amtb.tw/archives/26297 , truy cập ngày 16/05/2026.

9.. Kink 2 : https://fc.iwant-in.net/?p=13722 , truy cập ngày 16/05/2026.